|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS THỐNG NHẤT  **Tổ Tự Nhiên** | Họ và tên giáo viên  **Nguyễn Thị Thanh Bích** |

***Tiết 13+14:***

**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I**

Môn học: Môn toán – Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**Giúp HS ôn tập và củng cố các kiến thức về:

- Phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.

- Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số.

- Rèn luyện kỹ năng giải phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu; giải bài toán bằng cách lập phương trình, lập hệ phương trình.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề: Có khả năng giải quyết những vấn đề được đặt ra trong khi học tập.

- Năng lực sử dụng CNTT: Có kĩ năng sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi để tính toán, tích cực sử dụng mạng internet để phục vụ cho quá trình học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin, mạnh dạn trình bày ý kiến của bản thân, biết lắng nghe và phản hồi tích cực. Tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau khi cùng hợp tác thực hiện nhiệm vụ học tập.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện và trình bày cách giải các loại phương trình.

- Giúp học sinh rèn kỹ năng phân tích bài toán để lập phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình góp phần hình thành, phát triển năng lực giải toán, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề.

- Giúp học sinh chuyển đổi ngôn ngữ, từ ngôn ngữ thông thường sang đọc (nói), viết, giải phương trình, kí hiệu về tập nghiệm của phương trình...là cơ hội để hình thành năng lực giao tiếp toán học, sử dụng ngôn ngữ toán.

- Khai thác các bài toán giải bài toán bằng cách lập phương trình, lập hệ phương trình được ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống là cơ hội để hình thành năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực hiện.

- Trung thực: Thể hiện ở bài toán vận dụng thực tiễn cần trung thực.

- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** Thước thẳng, phấn màu, KHBD, máy chiếu, phiếu học tập, bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Dụng cụ học tập, sách giáo khoa.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và khắc sâu các kiến thức về: Phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình bậc nhất hai ẩn.

**b) Nội dung:** Trả lời  câu hỏi trắc nghiệm thông qua trò chơi: “Ai nhanh hơn”

**Câu 1.** Phương trình nào sau đây là phương trình tích?

**A**. . **B**. .TN840

**C**. . **D**. .

**Câu 2.** Cho biết phương trình  có bao nhiêu nghiệm?

**A**. . **B**. . **C**. . **D**. .

**Câu 3.** Nghiệm của phương trình  là

**A**. . **B**. .

**C**. . **D**. .

**Câu 4.** Điều kiện xác định của phương trình  là

**A**.  và. **B**.  và.

**C**.  hoặc. **D**.  và.

**Câu 5.** Với  là điều kiện xác định của phương trình

**A**.. **B**. . **C**. . **D**. .

**Câu 6.** Tổng của hai số là . Nếu gọi số thứ hai là  thì số thứ nhất là

**A**.. **B**. . **C**.. **D**. .

**Câu 7.** Một xe đi  giờ được  (km). Biểu thức biểu thị quãng đường đi trong  giờ là:

**A**. (km). **B**.  (km). **C**. (km). **D**.  (km).

**Câu 8.** Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?

**A**.. **B**. . **C**. . **D**. 

**Câu 9.** Trong các cặp số ; ;; , cặp số nào là nghiệm của phương trình ?

**A**.. **B**. . **C**. . **D**. 

**Câu 10.** Công thức nghiệm tổng quát của phương trình  là

**A**.. **B**. . **C**. . **D**. 

**c) Sản phẩm:** Trả lời đúng  câu hỏi trắc nghiệm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | B | C | D | D | C | A | D | A | B |

**d) Tổ chức thực hiện:** Cá nhân

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” để củng cố và khắc sâu kiến thức.  - GV nêu luật chơi: Có  câu hỏi trắc nghiệm, đại diện HS đứng tại chỗ chọn một câu hỏi bất kì. Câu hỏi hiện ra, thời gian suy nghĩ trả lời là  giây. Sau  giây HS nào xung phong trước dành được quyền trả lời. Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai nhường cơ hội cho bạn khác.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện HS đứng tại chỗ chọn câu hỏi bất kì.  - HS cả lớp suy nghĩ và nhanh tay xung phong trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS đứng tại chỗ trả lời.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt, khắc sâu kiến thức qua các câu hỏi. | Trò chơi: “Ai nhanh hơn”  **Câu 1.** Phương trình nào sau đây là phương trình tích?  **A**. . **B**. .TN840  **C**. . **D**. .  **Câu 2.** Cho biết phương trình  có bao nhiêu nghiệm?  **A**. . **B**. . **C**.  **D**. .  **Câu 3.** Nghiệm của phương trình  là  **A**. . **B**. .  **C**. . **D**. .  **Câu 4.** Điều kiện xác định của phương trình là  **A**.  và. **B**.  và.  **C**.  hoặc. **D**.  và.  **Câu 5.** Với  là điều kiện xác định của phương trình  **A**.. **B**. .  **C**. . **D**. .  **Câu 6.** Tổng của hai số là . Nếu gọi số thứ hai là  thì số thứ nhất là  **A**.. **B**. . **C**.. **D**. .  **Câu 7.** Một xe đi  giờ được  (km). Biểu thức biểu thị quãng đường đi trong  giờ là:  **A**. (km). **B**.  (km). **C**. (km). **D**.  (km).  **Câu 8.** Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?  **A**.. **B**. .  **C**. . **D**.  **Câu 9.** Trong các cặp số ; ;; , cặp số nào là nghiệm của phương trình ?  **A**.. **B**. . **C**. . **D**.  **Câu 10.** Công thức nghiệm tổng quát của phương trình  là  **A**.. **B**.  **C**. . **D**.  \* Đáp án:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | | Đáp án | D | B | C | D | D | C | A | D | A | B | |

**2. Hoạt động 2: Hệ thống lại kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

- Gợi nhớ lại kiến thức về: Phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình bậc nhất hai ẩn.

- Khắc sâu lại kiến thức về: hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số. Cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.

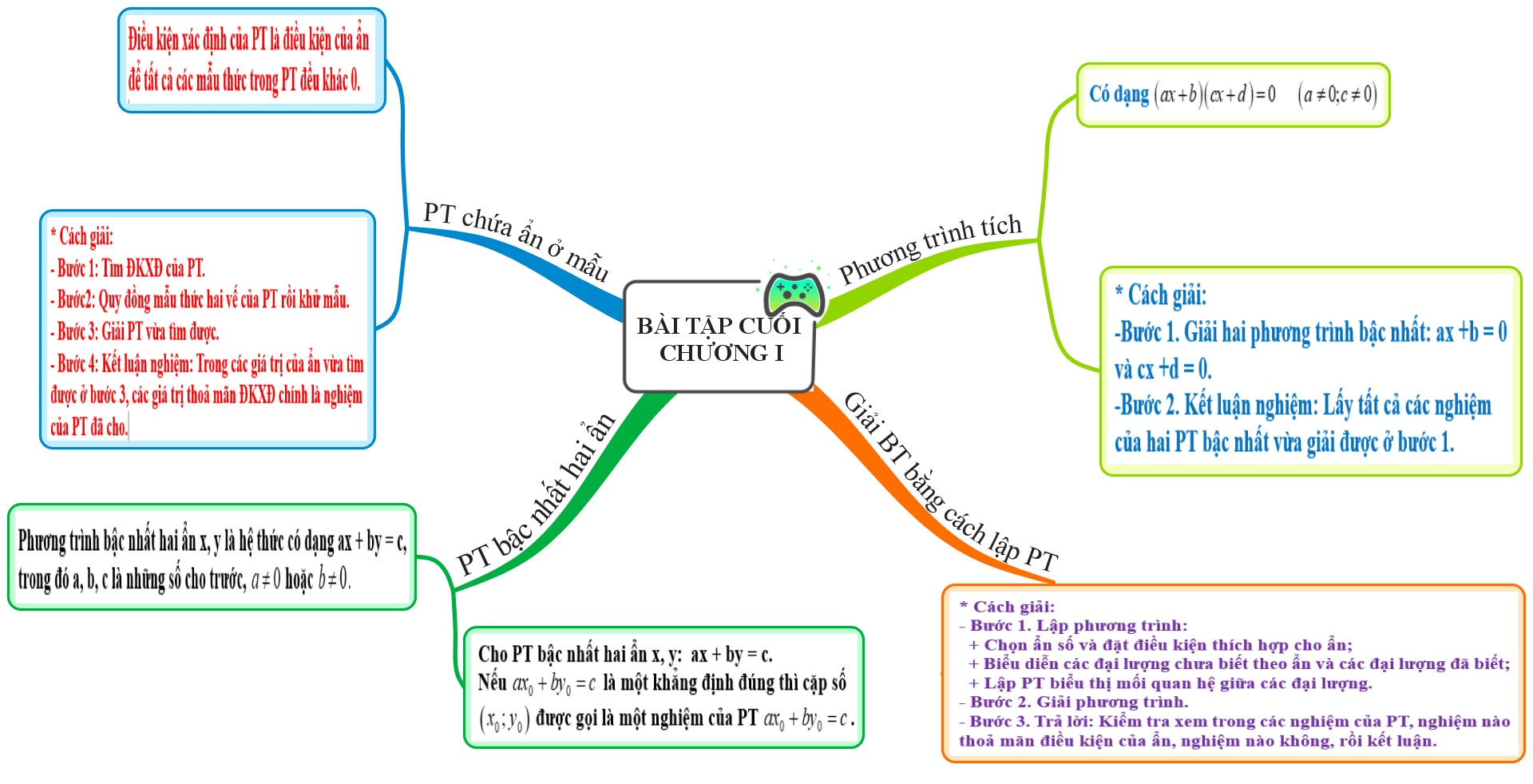
**b) Nội dung:**

- Các nhóm học sinh hệ thống lại kiến thức về: phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình bậc nhất hai ẩn dưới dạng sơ đồ tư duy.

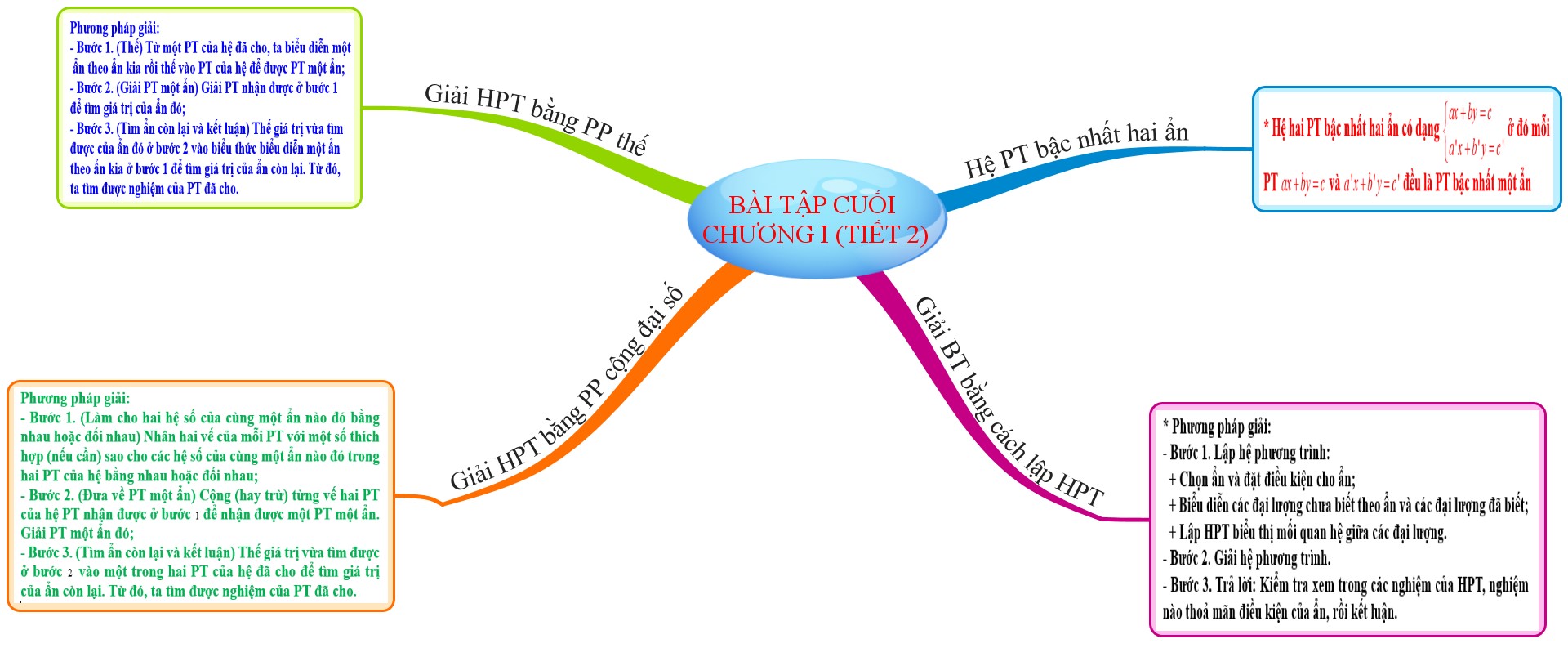
- Các nhóm học sinh hệ thống lại kiến thức về: hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số. Cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình dưới dạng sơ đồ tư duy.

**c) Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy trình bày các kiến thức về: phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình bậc nhất hai ẩn.



**-** Sơ đồ tư duy trình bày các kiến thức về: hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số. Cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.



**d) Tổ chức thực hiện:** Nhóm

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV đã giao nhiệm vụ cho các nhóm hệ thống lại kiến thức về: Phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, PT bậc nhất hai ẩn dưới dạng sơ đồ tư duy ở nhà.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm treo sơ đồ tư duy đã chuẩn bị trước ở nhà lên bảng.  **\* Báo cáo, thảo luận**  Đại diện một nhóm lên bảng trình bày.  **\* Kết luận, nhận định**  - Các nhóm nhận xét chéo, sửa chữa, bổ sung sơ đồ tư duy của nhau.  - GV nhận xét. | \* Sơ đồ tư duy: (Bảng nhóm) |
|  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

**-**  Rèn kĩ năng giải phương trình tích; phương trình chứa ẩn ở mẫu, tìm nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn.

- Rèn kĩ năng giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, phương pháp cộng đại số.

**b) Nội dung:**

- Làm bài tập , , ; , /Sgk/.

- Làm bài 5/Sgk/26.

**c) Sản phẩm:** Lời giải đúng bài 5/Sgk/26.

**d) Tổ chức thực hiện:**Hoạt động cặp đôi cùng bàn, nhóm học sinh.

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài , , /Sgk/.  ? Nêu cách làm đối với từng câu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và nêu cách thực hiện đối với từng câu.  - HS hoạt động cá nhân làm bài tập , , /Sgk/.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên bảng thực hiện.  - HS dưới lớp theo dõi.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.  - GV nhận xét và hoàn chỉnh bài. | **Dạng 1. Phương trình tích**    Phương pháp giải:  - Bước 1. Giải hai PT bậc nhất:  và  - Bước 2. Kết luận nghiệm: Lấy tất cả các nghiệm của hai PT bậc nhất vừa giải được ở bước .  **Bài 3/Sgk/26.** Giải các phương trình:    Để giải phương trình trên, ta giải hai phương trình sau:  \*  \*      Vậy phương trình đã cho có hai nghiệm là và .      Để giải phương trình trên, ta giải hai phương trình sau:  \*  \*      Vậy phương trình đã cho có hai nghiệm là và .          Để giải phương trình trên, ta giải hai phương trình sau:  \*  \*    Vậy phương trình đã cho có hai nghiệm là  và . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu bài , /Sgk/ và yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi cùng bàn làm trên phiếu học tập .  ? Nêu cách làm đối với từng câu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và nêu cách thực hiện đối với từng câu.  - HS hoạt động theo cặp đôi cùng bàn làm bài tập , /Sgk/trên phiếu học tập .  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên bảng thực hiện.  - Bài của các nhóm (trao đổi chéo) để sửa chữa, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.  - GV nhận xét và hoàn chỉnh bài. | **Dạng 2. Phương trình chứa ẩn ở mẫu**  Phương pháp giải:  - Bước 1. Tìm ĐKXĐ của PT  - Bước 2. Quy đồng mẫu thức hai vế của PT rồi khử mẫu  - Bước 3. Giải PT vừa tìm được  - Bước 4. Kết luận nghiệm: Trong các giá trị của ẩn tìm được ở bước , các giá trị thoả mãn ĐKXĐ chính là nghiệm của hương trình đã cho.  **Bài 4/Sgk/26.** Giải các phương trình:    Điều kiện xác định:              Ta thấy  thoả mãn điều kiện xác định của phương trình.  Vậy phương trình đã cho có nghiệm .    Điều kiện xác định: và              Ta thấy  thoả mãn điều kiện xác định của phương trình.  Vậy phương trình đã cho có nghiệm . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  GV nêu dạng 1: Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế và yêu cầu HS nhắc lại phương pháp giải.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại phương pháp giải hệ PT bằng phương pháp thế.  **\* Báo cáo, thảo luận**  1HS đứng tại chỗ nhắc lại phương pháp giải hệ PT bằng phương pháp thế.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu bài /Sgk/ và yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm trên phiếu học tập số .  ? Nêu phương pháp để giải hệ phương trình này?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và nêu phương pháp để giải hệ phương trình này.  - HS hoạt động cá nhân làm bài tập /Sgk/trên phiếu bài tập  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên bảng thực hiện.  - HS ngồi cùng bàn trao đổi chéo bài với nhau để sửa chữa, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. | **Dạng 1. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.**  Phương pháp giải:  - Bước 1. (Thế) Từ một PT của hệ đã cho, ta biểu diễn một ẩn theo ẩn kia rồi thế vào PT của hệ để được PT một ẩn;  - Bước 2. (Giải PT một ẩn) Giải PT nhận được ở bước  để tìm giá trị của ẩn đó;  - Bước 3. (Tìm ẩn còn lại và kết luận) Thế giá trị vừa tìm được của ẩn đó ở bước  vào biểu thức biểu diễn một ẩn theo ẩn kia ở bước  để tìm giá trị của ẩn còn lại. Từ đó, ta tìm được nghiệm của PT đã cho.  **Bài 5a/Sgk/26.** Giải các hệ PT:    Từ phương trình  của hệ ta có:  Thay vào PT  ta được:  Giải phương trình :        Thay giá trị  vào PT , ta có:  Vậy phương trình đã cho có nghiệm . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  GV nêu dạng 2: Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số và yêu cầu HS nhắc lại phương pháp giải.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại phương pháp giải hệ PT bằng phương pháp cộng đại số.  **\* Báo cáo, thảo luận**  1HS đứng tại chỗ nhắc lại phương pháp giải hệ PT bằng phương pháp cộng đại số.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu bài /Sgk/ và yêu cầu HS hoạt động cặp đôi cùng bàn làm trên phiếu học tập số .  ? Nêu phương pháp sử dụng đối với từng câu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và nêu phương pháp sử dụng đối với từng câu.  - HS hoạt động cặp đôi cùng bàn làm bài tập /Sgk/trên phiếu bài tập.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên bảng thực hiện.  - Các nhóm trao đổi chéo bài với nhau để sửa chữa, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.  - GV nhận xét và hoàn chỉnh bài. | **Dạng 2. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.**  Phương pháp giải:  - Bước 1. (Làm cho hai hệ số của cùng một ẩn nào đó bằng nhau hoặc đối nhau) Nhân hai vế của mỗi PT với một số thích hợp (nếu cần) sao cho các hệ số của cùng một ẩn nào đó trong hai PT của hệ bằng nhau hoặc đối nhau;  - Bước 2. (Đưa về PT một ẩn) Cộng (hay trừ) từng vế hai PT của hệ PT nhận được ở bước  để nhận được một PT một ẩn. Giải PT một ẩn đó;  - Bước 3. (Tìm ẩn còn lại và kết luận) Thế giá trị vừa tìm được ở bước  vào một trong hai PT của hệ đã cho để tìm giá trị của ẩn còn lại. Từ đó, ta tìm được nghiệm của PT đã cho.  **Bài 5b, c/Sgk/26.** Giải các hệ PT:    Nhân hai vế của phương trình  với  và nhân hai vế của PT  với  ta được hệ PT sau:  Trừ từng vế hai PT  và  ta nhận được phương trình:  Giải phương trình :    Thay giá trị  vào PT , ta được phương trình:  Giải phương trình :      Vậy hệ phương trình đã cho có nghiệm .    Nhân hai vế của phương trình  với  và nhân hai vế của PT  với  ta được hệ PT sau:  Cộng từng vế hai PT  và  ta nhận được phương trình:  Phương trình  vô nghiệm. Vậy hệ phương trình đã cho vô nghiệm. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

**-**  Rèn kĩ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình thông qua các bài toán thực tế.

- Rèn kĩ năng giải bài toán bằng cách lập hệ PT.

**b) Nội dung:**

**-** Làm bài tập 6/Sgk/26.

- Làm bài 8, 10/Sgk/27.

**c) Sản phẩm:**

- Lời giải đúng bài tập 6/Sgk/26.

- Lời giải đúng bài 8, 10/Sgk/27.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu bài /Sgk/ và yêu cầu HS hoạt động theo nhóm  học sinh làm trên bảng nhóm.  (HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật “khăn trải bàn”)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thực hiện yêu cầu  - HS hoạt động nhóm làm bài /Sgk/ trên bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện bài của hai nhóm đưa lên bảng nhận xét, so sánh.  - Bài của các nhóm (trao đổi chéo) để sửa chữa, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung bài làm của nhau.  - GV nhận xét và hoàn chỉnh bài. | **Dạng 3. Giải bài toán bằng cách lập phương trình.**  Phương pháp giải:  - Bước 1. Lập phương trình:  + Chọn ẩn số và đặt điều kiện thích hợp cho ẩn;  + Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết;  + Lập PT biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng  - Bước 2. Giải phương trình.  - Bước 3. Trả lời: Kiểm tra xem trong các nghiệm của PT, nghiệm nào thoả mãn điều kiện của ẩn, nghiệm nào không, rồi kết luận.  **Bài 6/Sgk/26:**  **Giải:**  Gọi số người trong nhóm bạn trẻ là  (người)  (điều kiện )  Vì số tiền góp là như nhau nên số tiền mỗi người cần góp để có  triệu là: (triệu)  Nếu có thêm  người, số tiền mỗi người cần góp để có  triệu là: (triệu)  Và số tiền mỗi người phải góp giảm đi  triệu nên ta có phương trình:  Giải phương trình      Để giải phương trình , ta giải hai phương trình sau:  \*  \*    +  (thoả mãn ĐK)  +  (không thoả mãn ĐK)  Vậy nhóm bạn trẻ có  người. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu bài , /Sgk/ và yêu cầu HS hoạt động theo nhóm  học sinh làm trên bảng nhóm.  (HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật “khăn trải bàn”)  + Nhóm ;  làm bài /Sgk/.  + Nhóm ; làm bài /Sgk/.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thực hiện yêu cầu  - HS hoạt động nhóm làm bài , /Sgk/ trên bảng nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện bài của  nhóm đưa lên bảng nhận xét, so sánh.  **\* Kết luận, nhận định**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung bài làm của nhau.  - GV nhận xét và hoàn chỉnh bài. | **Dạng 3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.**  Phương pháp giải: Tương tự như giải bài toán bằng cách lập phương trình đã ôn ở tiết trước.  **Bài 8/Sgk/27:**  **Giải:**  Gọi số vé loại  và loại  bán ra lần lượt là  và  (vé)  Tổng số vé bán được của hai loại vé là  nên ta có:    Vé loại  giá  nên số tiền thu được từ vé loại  là:  (ngàn đồng)  Vé loại  giá  nên số tiền thu được từ vé loại  là:  (ngàn đồng)  Tổng số tiền thu được từ bán vé là  ngàn đồng, nên ta có:  Từ và  ta có hệ:  Nhân từng vế của PT thứ nhất của hệ với , ta được hệ phương trình mới :  Trừ từng vế phương trình thứ nhất cho phương trình thứ hai, ta được:  (thoả mãn điều kiện)  Thay  vào phương trình  ta được: (thoả mãn điều kiện)  Vậy số vé loại  bán ra là vé và vé loại  bán ra là vé.  **Bài 10/Sgk/27:**  **Giải:**  Gọi khối lượng dung dịch  có nồng độ  và  lần lượt là  và  (gam)  Theo bài ra ta có:  Vì dung dịch mới có nồng độ  nên ta có:      Từ và  ta có hệ:  Nhân từng vế của PT thứ nhất của hệ với , ta được hệ phương trình mới :  Trừ từng vế phương trình thứ hai cho phương trình thứ nhất của hệ mới, ta được:  (thoả mãn điều kiện)  Thay  vào phương trình  ta được: (thoả mãn điều kiện)  Vậy cô Linh muốn tạo ra  gam dung dịch  thì cần  gam dung dịch  và  gam dung dịch . |

** Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Về nhà học bài và xem lại các bài tập đã làm.

- Làm bài , /Sgk/.

- Chuẩn bị cho tiết kiểm tra giữa kì I.

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

**Bài 4/Sgk/26.** Giải các phương trình:



………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………



………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

**Bài 5a/Sgk/26.** Giải các hệ PT: 

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

**Bài 5b, c/Sgk/26.** Giải các hệ PT:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………